



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-24) 3942 2354 - Fax: (84-24) 3942 2351

Website: www.vinare.com.vn

## THÔNG BÁO

V/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

**Kính gửi: Quý cổ đông Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, cụ thể như sau:

**I- Thời gian: 8<sup>h</sup>30' Thứ năm, ngày 19 tháng 04 năm 2018**

**II- Địa điểm: Tầng 2, Khách sạn Nikko, 84 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

**III- Nội dung chính của Đại hội:**

- 1- Phê chuẩn việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2017;
- 2- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018;
- 3- Phê chuẩn phương án phân phối lợi tức sau thuế, chi trả cổ tức năm 2017;
- 4- Phê chuẩn thù lao HĐQT, BKS, thư ký năm 2017;
- 5- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017;
- 6- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017;
- 7- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2018;
- 8- Các nội dung phát sinh khác (nếu có).

**IV- Điều kiện tham dự:**

+ Các cổ đông sở hữu cổ phiếu VNR theo danh sách xác nhận ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đều có quyền dự họp.

+ Những cổ đông không tham dự Đại hội được quyền ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm theo Giấy mời họp).

**V- Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban tổ chức, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội chậm nhất đến 17<sup>h</sup>00' ngày 17/04/2018 bằng điện thoại hoặc fax theo địa chỉ: Ban Đầu tư - Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam**

Tầng 6 - 141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-24) 3942 7859

Fax: (84-24) 3942 2351

**VI- Quý cổ đông khi đến tham dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:**

- 1- Giấy mời họp;
- 2- CMND/Hộ chiếu (bản gốc) của người dự họp (đối với cổ đông cá nhân);
- 3- CMND/Hộ chiếu (bản gốc) của người dự họp và bản sao hợp lệ Giấy phép ĐKKD (đối với cổ đông pháp nhân);

\* **Trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội:**

+ Đối với cổ đông cá nhân: Người được ủy quyền mang theo Giấy mời họp, CMND/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (bản gốc) và photo CMND/Hộ chiếu của Người ủy quyền.

+ Đối với cổ đông pháp nhân: Người được ủy quyền mang theo Giấy mời họp, CMND/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (bản gốc) và bản sao hợp lệ Giấy phép ĐKKD của Bên ủy quyền.

- Thông báo này thay cho thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Giấy mời họp.
- Quý cổ đông vui lòng tham khảo tài liệu liên quan, nội dung chương trình ĐHCĐ và mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội trên website: [www.vinare.com.vn](http://www.vinare.com.vn).

Trân trọng./.





# CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Thời gian : 8h30 thứ Năm, ngày 19 tháng 4 năm 2018  
Địa điểm : Khách sạn Nikko, 84 Trần Nhân Tông, Hà Nội  
Thành phần tham dự : Các cổ đông VINARE, thành viên HĐQT, BKS, BGD

## NỘI DUNG

8h30 - 8h45	- Đăng ký, thẩm tra tư cách đại biểu
8h45 - 9h00	- Tuyên bố lý do Đại hội - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu - Chủ tịch HĐQT khai mạc Đại hội, thông báo chương trình Đại hội
9h00 - 9h45	- Tờ trình về điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 - Báo cáo kết quả kinh doanh 2017 và kế hoạch kinh doanh 2018 - Tờ trình về phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT 2017
9h45 - 10h15	- Báo cáo của HĐQT 2017 - Báo cáo của BKS 2017 - Tờ trình về phương thức lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2018
10h15 - 11h00	- Thảo luận, biểu quyết: ➤ Nội dung 1: Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 ➤ Nội dung 2: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2017 ➤ Nội dung 3: Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức 2017 ➤ Nội dung 4: Thông qua thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT 2017 ➤ Nội dung 5: Thông qua kế hoạch kinh doanh 2018 ➤ Nội dung 6: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT 2017 ➤ Nội dung 7: Thông qua báo cáo của BKS 2017 ➤ Nội dung 8: Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2018
11h00 - 11h30	- Công bố kết quả kiểm phiếu - Thông qua toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội - Bế mạc Đại hội

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (VINARE);
- Xét đề nghị của Tổng giám đốc tại tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 ngày 3/11/2017

Hội đồng quản trị VINARE đã ra Quyết định số 15/2017/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2017 thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017. Nay Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 như sau:

**Phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 của VINARE, cụ thể như sau:**

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 9T/2017	KH 2017 (đ/ chỉnh)	% so KH đầu năm	% so với 2016
Doanh thu phí nhận	1.655.558	1.770.000	1.232.847	1.635.000	92,4%	98,7%
Phí giữ lại	561.523	590.000	396.955	532.000	90,2%	94,7%
Lợi nhuận trước thuế	270.773	278.000	234.839	285.000	102,5%	105,3%
- Chênh lệch tỷ giá	4.683	(chưa xác định)	763	(chưa xác định)		
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	266.090	278.000	234.076	285.000	102,5%	107,1%

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM  
QUỐC GIA VIỆT NAM**



**BÁO CÁO**

**Kết quả kinh doanh 2017**

**Phương hướng nhiệm vụ kinh  
doanh 2018**

*Hà nội, tháng 1-2018*

# Nội dung



- 1. Kinh tế Việt nam và Thị trường bảo hiểm**
- 2. Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm**
- 3. Hoạt động đầu tư tài chính**
- 4. Các hoạt động khác**
- 5. Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2018**

# **Tình hình kinh tế và thị trường bảo hiểm 2017**

# Tình hình kinh tế 2017



- Tăng trưởng GDP đạt 6.81% (so với 6.21% năm 2016) và là mức tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây
- Khu vực công nghiệp và xây dựng có sự bứt tốc nhanh trong Quý 4, tăng trưởng 9.4% so với 2016, đặc biệt là ngành sản xuất chế biến, chế tạo trong lĩnh vực điện tử, máy tính, ... tăng tới 32.7%
- Khu vực nông-lâm-thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2.9% so với 1.36% của năm trước
- Kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt mức 400 tỷ USD, xuất siêu 3 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng 21.1% so với năm trước, đạt 213.77 tỷ USD, và là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua
- Vốn FDI đăng ký và tăng thêm đạt 29.7 tỷ USD, tăng 44.2% so với năm trước và vốn thực hiện đạt gần 17 tỷ USD – mức cao nhất từ trước đến nay
- Tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế và khu vực Nhà nước diễn ra tích cực với nhiều thương vụ bán vốn thành công
- Tái cấu trúc thị trường tài chính ngân hàng được triển khai mạnh mẽ

# Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2017



- Theo số liệu của Cục QLGSBH, thị trường bảo hiểm Việt Nam đạt tổng doanh thu 107,555 tỷ VND, tăng 25% so với 2016
- Bảo hiểm Phi nhân thọ tăng trưởng 12%, đạt 41,320 tỷ; Bảo hiểm Nhân thọ tăng trưởng 31%, đạt 66,235 tỷ
- Nhóm nghiệp vụ có nhu cầu TBH chiếm 40% thị trường PNT chỉ tăng trưởng 3-4%; nhóm nghiệp vụ không có nhu cầu TBH hoặc nhu cầu TBH thấp chiếm 60% thị trường PNT tăng trưởng 18-19%, trong đó sản phẩm bán qua kênh ngân hàng tăng trưởng mạnh
- Kênh phân phối bancassurance phát triển mạnh, ước tăng trưởng trên 30% và chiếm tỷ trọng 10 -12% tổng doanh thu phí toàn thị trường (PNT và NT) tính đến cuối năm 2017
- Trong khi đó các nghiệp vụ BH thương mại truyền thống như Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải, ... nhìn chung tăng trưởng chậm, cạnh tranh gay gắt bằng nhiều hình thức phi kỹ thuật và đổi mới tình hình tổn thất rất đáng quan ngại
- Về tái bảo hiểm, xu hướng của thị trường Việt Nam trong mùa tái tục 2018 đi ngược với xu hướng của thị trường thế giới do kết quả xấu liên tục trong những năm qua

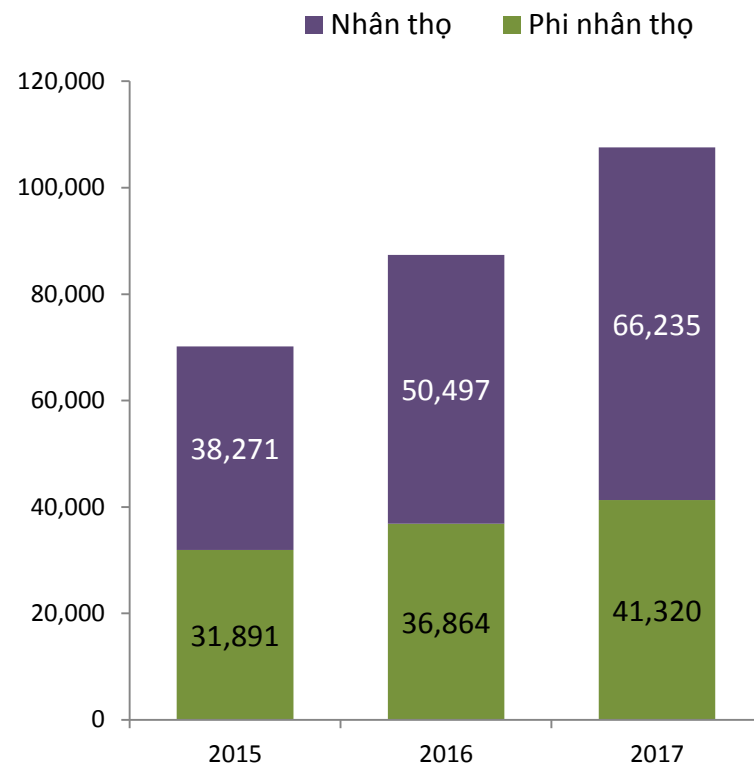


# Thị trường bảo hiểm – hiệu quả nghiệp vụ



- Xu hướng bồi thường vẫn rất khó kiểm soát và vẫn đang ở mức cao so với thu nhập phí. Nghiệp vụ BH Tài sản, Thân tàu, Xe cơ giới phổ biến có tỷ lệ combined ratio trên 100%. Tỷ lệ bồi thường của BH Kỹ thuật cũng đang có xu hướng gia tăng mạnh
- Tình hình thiên tai, đặc biệt là mưa bão, lũ lụt xảy ra nghiêm trọng tại Việt Nam trong năm nay (17 cơn bão, trong đó bão Doksuri (số 10) và bão Damrey (số 12) gây thiệt hại nặng nề
- Cạnh tranh bằng phương thức hạ phí, mở rộng điều kiện/điều khoản bảo hiểm, gia tăng chi phí khai thác dịch vụ, các hạn chế về đánh giá và kiểm soát rủi ro vẫn đang là vấn đề nhức nhối của thị trường, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ.
- Toàn thị trường có 29 công ty bảo hiểm phi nhân thọ nhưng chỉ có số ít các công ty có lãi nghiệp vụ, số lãi rất khiêm tốn so với doanh số phí bảo hiểm/thu nhập phí. Tỷ lệ combined ratio sát nút 100% hoặc cao hơn.

## DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC



# Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2017

# Kết quả kinh doanh 2017



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Một số chỉ tiêu chính	TH 2017	TH 2016	2017 vs 2016 (%)	KH 2017 (đ/ chỉnh)	% so với KH đ/ch	% so với KH ban đầu
Phí	Phí Nhận TBH	1,651,472	1,655,558	99.8%	1,635,000	101.0%	93.3%
	Phí Nhượng TBH	(1,064,579)	(1,094,034)	97.3%			
	Phí giữ lại	586,893	561,523	104.5%	532,000	110.3%	99.5%
	Giảm/(Tăng) dự phòng phí	(17,370)	7,820				
	Thu nhập phí	569,523	569,343	100.0%			
Bồi thường	Chi Bồi thường thực trả net	(247,571)	(260,771)	94.9%			
	Giảm/(Tăng) DPBT	(50,887)	(12,248)	415.5%			
	Bồi thường TN giữ lại	(298,458)	(273,019)	109.3%			
	Tỷ lệ BT/Thu nhập phí (%)	52%	48%				
Lợi nhuận gộp KDNV		121,608	146,120	83.2%			
Chi phí Quản lý + Dự phòng phải thu		(65,772)	(88,812)	73.9%			
Lợi nhuận thuần HĐ KDNV		55,836	57,308	97.4%			
Combined Ratio		90.2%	89.9%				
Thu nhập đầu tư & khác		233,043	213,465	109.2%			
Lợi tức trước thuế		285,290	270,726	105.4%	285,000	100.1%	102.6%

# Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	2017	KH 2017 điều chỉnh	2016	2017 vs 2016 (%)	% KH điều chỉnh	% KH ban đầu
Kỹ thuật	221,447	250,000	286,731	77.23	88.58	71.43
Tài sản	466,016	490,000	496,330	93.89	95.11	86.29
Dầu khí	4,991	5,000	13,039	38.28	99.82	49.91
Hàng không	38,316	37,300	34,429	111.29	102.72	109.47
Hàng hóa	132,072	130,000	153,256	86.18	101.59	88.04
Thân tàu	60,689	55,000	48,256	125.76	110.34	121.37
P&I	214,064	213,000	214,155	99.96	100.50	95.13
Hỗn hợp	426,162	362,000	327,655	130.06	117.72	121.76
Nhân thọ	3,434	3,500	3,071	111.82	98.11	137.36
Nông nghiệp	32,040	31,000	28,173	113.73	103.35	106.80
Tàu cá	44,334	50,000	50,462	87.86	88.67	73.89
K-care	7,907	8,200			96.43	93.02
<b>Tổng</b>	<b>1,651,472</b>	<b>1,635,000</b>	<b>1,655,558</b>	<b>99.75</b>	<b>101.01</b>	<b>93.30</b>

# Doanh thu phí giữ lại theo nghiệp vụ



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	2017	KH 2017 điều chỉnh	2016	2017 vs 2016 (%)	% Kế hoạch	% KH ban đầu
Kỹ thuật	137,484	121,000	138,660	99.15	113.62	91.65
Tài sản	117,396	125,000	127,355	92.18	93.92	85.06
Dầu khí	1,669	1,500	3,693	45.19	112.27	55.63
Hàng không	1,669	1,300	1,391	119.99	128.38	111.26
Hàng hóa	103,322	99,000	117,303	88.08	104.37	93.92
Thân tàu	36,544	35,000	31,343	116.59	104.41	114.20
P&I	46,544	49,000	49,130	94.74	94.99	96.96
Hỗn hợp	104,914	58,000	55,872	187.78	180.89	174.85
Nhân thọ	3,434	3,500	3,071	111.82	98.11	137.36
Nông nghiệp	2,575	2,900	2,531	101.74	88.79	85.83
Tàu cá	26,447	30,700	31,174	84.84	86.15	71.47
K-care	4,896	5,100			96.00	97.92
<b>Tổng</b>	<b>586,893</b>	<b>532,000</b>	<b>561,523</b>	<b>104.52</b>	<b>110.32</b>	<b>99.47</b>

# Nguyên nhân chủ yếu (Doanh thu phí – Phí giữ lại)



Doanh thu phí 2017 đạt 1,651.5 tỷ VND, bằng 99.75%% so với 2016 và vượt một chút so với KH điều chỉnh; Phí giữ lại đạt 586.9 tỷ VND, tăng 4.5% so với 2016 và vượt 10.3% so với KH điều chỉnh, do những nguyên nhân sau:

- **Nguyên nhân khách quan:** thị trường các nghiệp vụ có TBH tăng trưởng không như kỳ vọng và tiếp tục cạnh tranh gay gắt
  - Tỷ lệ phí giảm mạnh, điều kiện điều khoản mở rộng do cạnh tranh gay gắt làm giảm doanh thu gốc của các nghiệp vụ chủ chốt như Tài sản, Kỹ thuật
  - Nghiệp vụ Tài sản, mặt bằng tỷ lệ phí giảm 10 – 15%; nghiệp vụ Kỹ thuật giảm 30 - 40% so với năm trước
  - Bảo hiểm Tàu cá bị ảnh hưởng do chậm có quyết định tiếp tục triển khai của Chính phủ.
  - Các công ty BH gốc tăng mức giữ lại. Việc phân chia thị phần các dịch vụ có TBH giữa các công ty gốc bất lợi cho việc nhận dịch vụ của VINARE
  - Tỷ lệ tham gia nhận TBH các dịch vụ khu vực FDI bị ảnh hưởng bởi chính sách TBH của các công ty BH nước ngoài
  - Thị trường bảo hiểm quốc tế tiếp tục trong xu hướng “mềm” → việc nhận dịch vụ từ thị trường nước ngoài khó khăn hơn, mặt bằng phí thu giảm, EPI của nhiều hợp đồng không đạt như dự kiến (ảnh hưởng nhiều từ chính sách quản lý rủi ro của VINARE)
- **Nguyên nhân nội tại:**
  - VINARE theo đuổi chủ trương kiểm soát chặt chẽ rủi ro, tăng cường kỷ luật khai thác, không nhận dịch vụ dưới chuẩn
  - Khai thác mới dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm

# Bồi thường



Đơn vị tính: Tr. VND

Chỉ tiêu	2017	2016	+/-
Chi bồi thường nhận TBH (1)	(915,028)	(960,921)	-45,893
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	667,456	700,150	-32,694
Bổ sung dự phòng bồi thường (3)	(50,887)	(12,248)	+38,639
Bồi thường thuộc TNGL (4 = 1-2+3)	<u>(298,458)</u>	<u>(273,019)</u>	<u>+25,439</u>

## Bồi thường thuộc TNGL tăng 9.3% (25.4 tỷ) so với năm trước

- Đến hết quý III/2017, tỷ lệ bồi thường chung của các nghiệp vụ vẫn nằm trong tầm kiểm soát: 48% (Kế hoạch đề ra là 48.2% và so với tỷ lệ bồi thường 9T/2016 là 51%)
- Tuy nhiên, chỉ tính riêng ảnh hưởng của bão Damrey (tháng 11), tổng trách nhiệm nhận của VINARE đối với 3 nghiệp vụ Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải đã lên tới 63.2 tỷ VND; chỉ tiêu bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại bị ảnh hưởng 43.1 tỷ VND
- Do đó, tỷ lệ bồi thường của cả năm đã lên đến 52%, cao hơn 3.8% so với kế hoạch dự tính đầu năm (so với 48% của năm 2016)

# Dự phòng nghiệp vụ 2017



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12//2017	+/- trong kỳ	31/12/2016
<b>Nhận tái bảo hiểm</b>	<b>2,483,168</b>		<b>2,541,834</b>
- Dự phòng phí	794,916	+5,452	789,464
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,503,284	-66,364	1,569,648
- Dự phòng Dao động lớn	184,968	+2,246	182,722
<b>Nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>1,583,055</b>		<b>1,712,224</b>
- Dự phòng phí	526,111	-11,918	538,029
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,056,944	-117,251	1,174,195
<b>Kết dư dự phòng (net)</b>	<b>900,113</b>		<b>829,610</b>
- Dự phòng phí	268,805	+17,370	251,435
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	446,340	+50,887	395,453
- Dự phòng dao động lớn (*)	184,968	+2,246	182,722



# Tình hình công nợ kinh doanh TBH



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	+/-
Công nợ phải thu	758,952	655,159	+103,793
Công nợ phải trả	688,567	598,978	+89,589
Net phải thu	<u>70,385</u>	<u>56,181</u>	<u>+14,204</u>

- Kiểm soát tốt việc giải quyết công nợ
- Công nợ dài hạn từ 2 năm trở lên đã giảm 12.7 tỷ
- Không phát sinh thêm nợ xấu
- Net phải thu tăng nhẹ so với năm trước do nguyên nhân phát sinh chậm trong tháng 12/2017 và các công ty gốc thanh toán chậm

# Quản trị chi phí quản lý, bán hàng & Dự phòng phải thu



Đơn vị tính: Tr. đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	KH 2017	So sánh	
				2017/16	2017/KH
Chi quản lý	84,035	79,881	85,000	105.2%	98.8%
Dự phòng phải thu	(18,262)	8,931	5,000		

Quản trị tốt chi phí

# Hoạt động đầu tư tài chính 2017

# Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư



- Mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi ngân hàng trong năm tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,5%-7,3%/năm.
- Thị trường trái phiếu chính phủ lãi suất kém hấp dẫn.
- Lãi suất trái phiếu DN kỳ hạn 5 năm phổ biến ở mức 8.2 – 8.5%/năm.
- Thị trường chứng khoán Việt nam, chỉ số VN-Index đã đạt mức 984,24 điểm vào ngày 31/12/2017, tăng 319 điểm so với thời điểm đầu năm, đạt mức tăng trưởng 44,4%. Chỉ số HN Index cũng đạt 116,86 điểm, tăng trưởng 45,9% so với đầu năm. Ảnh hưởng tốt đến danh mục đầu tư chứng khoán của VINARE.
- Thị trường Bất động sản có nhiều dấu hiệu hồi phục, tăng trưởng ổn định với xu hướng bền vững, mở ra cơ hội đầu tư vào lĩnh vực này.
- Các doanh nghiệp VINARE có vốn góp nhìn chung đạt kết quả khả quan

# Tình hình phân bổ vốn đầu tư (31/12/2017)



Đơn vị: Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 1/1/2017	Phân bổ đầu tư 31/12/2017	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2,225,822	2,180,000	-45,822	62.8%
2	Trái phiếu	170,010	270,000	+99,990	7.8%
3	Góp vốn DN khác	658,140	655,445	-2,695	18.9%
4	Đầu tư CK, CCQ, Ủy thác đầu tư	245,093	275,500	+30,407	7.8%
6	Văn phòng cho thuê	12,400	10,983	-1,417	0.3%
7	Đầu tư BĐS	13,269	13,304	+35	0.4%
8	Tiền gửi không kỳ hạn	55,662	65,003	+9,341	1.9%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,380,397</b>	<b>3,470,235</b>	<b>89,838</b>	<b>100.0%</b>

- Không có sự thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước; thoái vốn thành công tại Chứng khoán Đại Nam
- Tuân thủ triệt để Quy chế Đầu tư của Tổng công ty

# Kết quả hoạt động đầu tư & khác 2017



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh 2017/KH ban đầu	So sánh 2017/KH điều chỉnh	So sánh 2017/16
Doanh thu đầu tư & khác	303,707	239,212	125.9%	104.2%	127.0%
Chi phí đầu tư & khác	70,665	25,748	303.3%	106.4%	274.5%
Thu nhập đầu tư & khác	<u>233,042</u>	<u>213,464</u>	<u>106.9%</u>	<u>103.6%</u>	<u>109.2%</u>

# Chi tiết doanh thu đầu tư & khác



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Danh mục đầu tư	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh 2017/16
1	Tiền gửi ngân hàng	159,164	130,266	122.18%
2	Trái phiếu	14,655	15,910	92.11%
3	Cổ tức góp vốn	27,565	27,347	100.80%
4	Đầu tư CK, CCQ, UTĐT	39,394	33,588	117.28%
5	Văn phòng cho thuê	13,243	13,927	95.09%
6	Chênh lệch tỷ giá thanh toán & đánh giá lại ngoại tệ trong kỳ	48,684	17,028	285.91%
7	Thu khác (bếp ăn, ...)	1,002	1,146	87.43%
	<b>Tổng</b>	<b><u>303,707</u></b>	<b><u>239,212</u></b>	<b><u>126.96%</u></b>

# Chi tiết chi phí đầu tư & khác



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Danh mục đầu tư	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh 2017/16
<b>1</b>	<b>Bổ sung (hoàn nhập) DP + Chi phí CK tự doanh, Ủy thác đầu tư và danh mục Đầu tư góp vốn</b>	<b>5,147</b>	<b>(5,073)</b>	
1.1	<i>Chi phí, trích lập DP ủy thác ĐTCK</i>	5,149	6,636	
1.2	<i>Hoàn nhập DP góp vốn dài hạn</i>	(24)	(15,609)	
1.3	<i>Chi phí, hoàn nhập DP, lỗ chứng khoán tự doanh</i>	22	3,900	
<b>2</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá thanh toán trong kỳ + swaps</b>	<b>57,069</b>	<b>21,503</b>	<b>265.40%</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí cho thuê văn phòng (trực tiếp, phân bổ)</b>	<b>1,556</b>	<b>1,644</b>	<b>94.65%</b>
<b>4</b>	<b>Chi khác (chi phí phân bổ, chi khác)</b>	<b>6,893</b>	<b>7,674</b>	<b>89.82%</b>
	<b>Tổng</b>	<b><u>70,665</u></b>	<b><u>25,748</u></b>	<b><u>274.45%</u></b>



# Các hoạt động khác

# Các hoạt động khác



NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC	Thực hiện
Báo cáo đánh giá thị trường và khách hàng ( <i>báo cáo và offsite meeting</i> )	Marketing
Nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào dự thảo Thông tư 50/2017/TT-BTC, dự thảo Nghị định về Bảo hiểm Nông nghiệp	Nghiệp vụ
Tham gia chuẩn bị triển khai BHNN tại An Giang (Bảo Minh, Swiss Re, VINARE)	Special Lines, PSBD
Sửa đổi Hướng dẫn Khai thác Tạm thời	Nghiệp vụ, QLRR
Sửa đổi và cập nhật Hướng dẫn khai thác hợp đồng cố định và giải quyết BT	Ng/vụ, QLRR, BCA
Nghiên cứu giải pháp tối ưu hóa chương trình TBH (Whole Account XL)	Nghiệp vụ
Báo cáo về dự phòng và biên khả năng thanh toán và quản trị rủi ro	QLRR, TC-KT
Ký hợp đồng thuê chuyên gia actuary và trình Cục QLGSBH phê chuẩn	QLRR

Đã hoàn thành với chất lượng tốt	Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu	Đang tiếp tục triển khai	Chậm thời hạn so với yêu cầu
----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------	------------------------------

# Các hoạt động khác



NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ RỦI RO	Thực hiện
Offsite meeting về quản lý rủi ro doanh nghiệp	QLRR
Báo cáo đánh giá rủi ro nghiệp vụ Tài sản	QLRR
Bước đầu thực hiện triển khai ERM	QLRR, các Ban
Xây dựng và đăng ký phương pháp trích lập DPNV	Nghiệp vụ, QLRR
Xây dựng và đăng ký nguyên tắc tách quỹ theo yêu cầu Thông tư 50/2017/TT-BTC	TC-KT, QLRR, Đầu tư
ĐẦU TƯ	
Sửa đổi Quy chế Đầu tư	Đầu tư
Đánh giá danh mục góp vốn cổ phần	Đầu tư

Đã hoàn thành với chất lượng tốt	Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu	Đang tiếp tục triển khai	Chậm thời hạn so với yêu cầu
----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------	------------------------------

# Các hoạt động khác



HỘI NGHỊ, HỘI THẢO VÀ ĐÀO TẠO	Thực hiện
Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 7	Các Ban
Hội thảo Quản lý rủi ro đối với nghiệp vụ Tài sản	Tài sản, Marketing, QLRR
Hội thảo Bảo hiểm lỗi tiềm ẩn của công trình xây dựng, Thông tư 329 về Bảo hiểm Xây dựng lắp đặt	Kỹ thuật, Marketing, QLRR
Tổ chức đào tạo về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các tổ chức tư vấn xây dựng cho MSIG và BVTM	Special Lines
Tổ chức đào tạo kỹ năng quản lý cấp trung, đàm phán và thuyết trình cho cán bộ VINARE	NS-TH
Tổ chức đào tạo về Quản trị công ty ( <i>100% cán bộ tham dự được UBCKNN cấp chứng chỉ</i> )	NS-TH
Đào tạo thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ ( <i>cứ 18 lượt cán bộ đi đào tạo, hội thảo, hội nghị trong nước và nước ngoài</i> )	NS-TH

Đã hoàn thành với chất lượng tốt	Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu	Đang tiếp tục triển khai	Chậm thời hạn so với yêu cầu
----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------	------------------------------

# Các hoạt động khác



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	Thực hiện
Rà soát, đánh giá Quản trị công ty theo yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC; thuê tư vấn về tái cấu trúc quản trị công ty	NS-TH
Ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng	Bộ phận thi đua khen thưởng
Sửa đổi Quy chế Khen thưởng – Phúc lợi	KT-TC
Offsite Meeting về xây dựng Hệ thống Tổ chức quản lý	NS-TH
Cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc	NS-TH
Hoàn thiện phần mềm Quản lý Nhân sự	IT
Xây dựng phần mềm Kế toán tổng hợp	IT, TC-KT
Xây dựng phần mềm Quản lý khách hàng	IT

Đã hoàn thành với chất lượng tốt

Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu

Đang tiếp tục triển khai

Chậm thời hạn so với yêu cầu

# Các thành tích trong năm 2017



CÁC DANH HIỆU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
Thương hiệu Tái bảo hiểm tốt nhất Việt Nam năm 2017 (“Best Reinsurance Brand in Vietnam for the year 2017”)	Tạp chí “Global Brands” có trụ sở tại Anh Quốc
Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất 2017	Chương trình xếp hạng Profit 500 của tổ chức Vietnam Report ( <i>định kỳ công bố thường niên từ năm 2007</i> )
Xếp thứ 5/14 Top Doanh nghiệp ngành Bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất	
Doanh nghiệp đạt chỉ số Tài chính tốt nhất năm 2017	Chương trình Đánh giá năng lực doanh nghiệp do Viện nghiên cứu & phát triển Doanh nghiệp, Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp phối hợp thực hiện
Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính dẫn đầu ngành Bảo hiểm	
Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2017	Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức thường niên từ năm 2003

# **Kế hoạch kinh doanh 2018**

# Dự báo tình hình kinh tế 2018



- Năm 2018 định hướng của Chính phủ là tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh; Khuyến khích khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp
- Mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ: 6.7% (2017: 6.81%); lạm phát 4%; kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước ở mức 3.7%
- Chính phủ chủ trương điều hành đồng bộ các chính sách vĩ mô nhằm giảm lãi suất cho vay, nâng cao chất lượng tín dụng, ổn định thị trường ngoại tệ, tăng dự trữ ngoại hối
- Hoạt động M&A dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh; tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn ở các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh
- Chính phủ thành lập Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước



# Dự báo thị trường bảo hiểm Việt Nam 2018



- Nền kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng là yếu tố thuận lợi cho thị trường bảo hiểm
- Cục QLGSBH dự báo doanh thu phí toàn thị trường tăng trưởng 22%, thấp hơn một chút so với năm 2017. Với đà tăng trưởng mạnh của bảo hiểm nhân thọ trong những năm gần đây và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng phí của thị trường, dự báo bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 10-11% (năm 2017: 12%)
- Bancassurance tiếp tục được các DNBH chú trọng khai thác và dự kiến tăng trưởng mạnh
- Các DN tập trung đầu tư công nghệ thông tin để tăng cường chất lượng quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ khách hàng
- Thông tư 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP sẽ tác động đến vấn đề quản trị doanh nghiệp
- Các chương trình BH và chính sách quản lý BH tạo cơ hội cho các DNBH tăng trưởng về doanh thu và tăng cường quản trị doanh nghiệp
- BH Tàu cá theo Nghị định 67 được kéo dài đến 2020
- BH Nông nghiệp dự kiến hoàn thành Nghị định trong nửa đầu năm 2018
- Lĩnh vực BH Tài sản công: đã ban hành Nghị định
- TT329 về bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động xây dựng được triển khai
- Nghị định mới về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đã được ban hành

# Chủ trương của VINARE 2018



## ❖ Kinh doanh TBH:

- **Chủ trương chung:** Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, các giải pháp phát triển bền vững);
- **Trong nước:**
  - Tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới: Rủi ro thiên tai, Bancassurance, các sản phẩm BH cho khu vực công, BHNN ....
  - Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm, Sức khỏe, sản phẩm liên kết, ...
  - Tham gia khai thác mới các dịch vụ xe cơ giới, các dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm nếu có cơ hội đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả
- **Nước ngoài:**
  - Tập trung đánh giá thị trường BH/TBH các nước trong khu vực
  - Tăng cường trao đổi dịch vụ trong khu vực trên cơ sở đánh giá rủi ro cần trọng

# Chủ trương của VINARE 2018



## ❖ Đầu tư:

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn
- Rà soát phân bổ lại tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quyết định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE
- Tăng cường quản trị tại các doanh nghiệp có vốn góp của VINARE
- Thực hiện thoái vốn theo yêu cầu của pháp luật, đảm bảo tối đa hóa hiệu quả của vốn đầu tư

# Nhiệm vụ trọng tâm 2018



1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2018
2. Thúc đẩy các chính sách trong lĩnh vực BH công
3. Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: BH Tài sản công, Bancassurance, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp, Tàu cá ...
4. Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường
5. Đánh giá và phân bổ nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy
6. Tăng cường quản lý rủi ro (nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng)
7. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm
8. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả
9. Nâng cao năng lực đầu tư

# Kế hoạch kinh doanh 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	2018	2017	Tăng trưởng
<b>Doanh thu phí nhận</b>	<b>1,770,000</b>	<b>1,651,472</b>	7.2%
<b>Phí giữ lại</b>	<b>677,000</b>	<b>586,893</b>	15.4%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>308,000</b>	<b>285,290</b>	7.9%
<b>Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chênh lệch tỷ giá</b>	<b>308,000</b>	<b>286,849</b>	7.3%
<b>Chênh lệch tỷ giá</b> (không được phân phối)	<i>(chưa xác định)</i>	<b>(1,559)</b>	
<b>Cổ tức dự kiến</b>	<b>12%</b>	<b>12%</b>	

# Kế hoạch thu nhập đầu tư 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Danh mục đầu tư	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	2018/2017 (%)
Doanh thu đầu tư & khác	<u>310,500</u>	<u>303,707</u>	<u>102.2%</u>
Chi phí đầu tư & khác	<u>56,500</u>	<u>70,665</u>	<u>79.2%</u>
Thu nhập đầu tư & khác	<u>254,000</u>	<u>233,043</u>	<u>108.9%</u>

# Kế hoạch chi quản lý 2018



*Đơn vị tính: Tr. VNĐ*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>KH 2018</b>	<b>TH 2017</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>Chi quản lý</b>	<b>87,000</b>	<b>84,035</b>	<b>+2,965</b>
<b>Dự phòng phải thu</b>	<b>3,000</b>	<b>(18,262)</b>	

# Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

## Marketing

- Phân nhóm khách hàng và đề xuất thực hiện các chính sách riêng biệt với từng nhóm khách hàng. Hoàn thiện báo cáo đánh giá khách hàng và thị trường trong nước
- Xây dựng báo cáo đánh giá thị trường và khách hàng trong khu vực
- Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và giải pháp chuyển giao rủi ro mới (BH Nat Cat, Nông nghiệp, Trách nhiệm, Xe cơ giới ...) và kênh phân phối mới
- Khai thác dịch vụ quốc tế: xác định các thị trường tiềm năng và chiến lược tiếp cận
- Tăng cường hợp tác với các công ty tái bảo hiểm quốc gia trong khu vực trong việc phát triển sản phẩm tại thị trường Việt nam và trao đổi dịch vụ với các thị trường trong khu vực



# Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

## Đầu tư

- Tăng cường chất lượng và hiệu quả phân bổ tài sản đầu tư
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp
- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các DN có vốn góp. Đề xuất giải pháp nhằm tuân thủ các yêu cầu pháp luật và hiệu quả vốn đầu tư

## Tài chính - Kế toán

- Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các quy trình quản lý chi phí, kiểm soát
- Tập trung hoàn thành dự án IT
- Nghiên cứu và đề xuất các báo cáo quản trị công ty theo yêu cầu của BTC

## Risk Management

- Tăng cường hoạt động giám định rủi ro của VINARE và thị trường
- Nâng cao năng lực quản lý tài sản – nợ phải trả (Asset Liability Management)
- Thực hiện chế độ quản trị rủi ro thường xuyên và định kỳ

## Quản trị công ty & Tổ chức bộ máy

- Đánh giá và nghiên cứu lộ trình chuyển đổi mô hình quản trị công ty
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo, đánh giá cán bộ ...)

## Công nghệ thông tin

- Vận hành hệ thống IT an toàn, hiệu quả
- Bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống
- Hoàn thành xây dựng hệ thống kế toán tổng hợp

# Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt nam



XIN CẢM ƠN

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi tức 2017 và kế hoạch kinh doanh 2018

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (VINARE);
- Căn cứ Nghị quyết số 07/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 của Đại Hội đồng cổ đông VINARE;
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2017 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;

Hội đồng quản trị VINARE trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

#### 1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte:

##### 1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2017: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.313.778.006.353 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.585.247.709.757 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:  
  - Dự phòng Nhượng TBH: 1.591.083.715.991 VND
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.500.922.811.785 VND



Chỉ tiêu	Thực hiện 2016 VND	Thực hiện 2017 VND	KH 2017 VND	So sánh 2017/KH	So sánh 2017/16
<b>1. Doanh thu phí nhận TBH</b>	<b>1.655.557.770.806</b>	<b>1.651.205.993.827</b>	<b>1.635.000.000.000</b>		
- Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.655.557.770.806	1.651.471.980.448	1.635.000.000.000	101,0%	99,8%
- Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN	0	(265.986.621)			
<b>2. Phí giữ lại</b>	<b>561.523.389.013</b>	<b>586.786.416.338</b>	<b>532.000.000.000</b>		
- Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	561.523.389.013	586.893.214.249	532.000.000.000	110,3%	104,5%
- Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHNN	0	(106.797.911)			
<b>3. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác</b>	<b>213.464.863.990</b>	<b>233.042.254.147</b>	<b>225.000.000.000</b>		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá không được phân phối</i>	4.683.574.955	(1.559.226.438)			
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác không bao gồm CLTG	208.781.289.035	234.601.480.585	225.000.000.000	104,3%	112,4%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016 VND	Thực hiện 2017 VND	KH 2017 VND	So sánh 2017/KH	So sánh 2017/16
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b> ( Không bao gồm lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá không được phân phối)	<b>266.042.744.080</b>	<b>286.849.014.069</b>	<b>285.000.000.000</b>	<b>100,6%</b>	<b>107,8%</b>

(Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán 2017 đính kèm)

**1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017:** Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.448.645.012.061 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.718.874.672.180 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nợ ứng TBH: 1.591.083.715.991 VND
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.500.922.811.785 VND

(Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán 2017 đính kèm)

**2. Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2017:**

**2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:**

Chỉ tiêu lợi nhuận	31/12/2017 (VND)
<b>Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2017</b>	<b>302.266.542.258</b>
- Lợi nhuận được phân phối	229.641.446.284
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	72.625.095.974
<b>Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2017</b>	<b>233.852.647.190</b>
- Lợi nhuận được phân phối	235.411.873.628
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	(1.559.226.438)
<b>Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2017</b>	<b>536.119.189.448</b>
- Lợi nhuận được phân phối	465.053.319.912
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	71.065.869.536

**2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2017:**

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2017	(VND)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế)	11.770.593.681
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)	4.708.237.473
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	3.531.178.104

Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	3.805.632.872
Chi trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 12%) (trong đó đã tạm ứng 10% cổ tức vào ngày 29/1/2018)	157.291.124.400
Lợi nhuận còn lại	355.012.422.918
- Lợi nhuận được phân phối	283.946.553.382
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	71.065.869.536

❖ Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế liên quan đến việc trích lập các quỹ đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 ngày 28/4/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 28/4/2008

❖ Tỷ lệ cổ tức năm 2017 dự kiến 12% và đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 07/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017. Tỷ lệ cổ tức 2017 trình ĐHĐCĐ thông qua là 12%

**2.3 Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2017: 2.644.000.000 VND.** (Mức chi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ)

### 3. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2018:

Đơn vị Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.770.000	1.651.742	7,2%
Phí giữ lại	677.000	586.893	15,4%
Lợi nhuận trước thuế	308.000	285.290	7,9%
- Chênh lệch tỷ giá (CLTG)	(chưa xác định)	(1.559)	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	308.000	286.849	
Tỷ lệ cổ tức dự kiến (*)	12%	12%	

(\*) Nghị quyết 01/2017/HĐQT phê chuẩn chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2017 – 2020: sử dụng tối đa 55% lợi nhuận sau thuế hàng năm để chia cổ tức.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Song Lai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150+190)	<b>100</b>		<b>5.215.024.626.541</b>	<b>4.956.924.695.537</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>168.003.369.951</b>	<b>65.768.521.779</b>
1. Tiền	111		65.003.369.951	65.768.521.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.200.847.811.835</b>	<b>2.038.499.868.925</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	18.784.526.255
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(70.572.330)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.200.847.811.835	2.019.785.915.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.067.099.355.705</b>	<b>961.215.256.053</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.094.732.977.717	1.007.526.719.094
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		770.606.426.398	671.608.358.009
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		324.126.551.319	335.918.361.085
2. Phải thu ngắn hạn khác	136		610.814.299	195.547.056
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(28.244.436.311)	(46.507.010.097)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>59.021.267</b>	<b>53.899.538</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.021.267	53.899.538
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>187.931.351.792</b>	<b>167.285.604.056</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	187.931.351.792	167.284.562.994
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		185.674.353.313	162.868.724.418
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		2.256.998.479	4.415.838.576
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.041.062
<b>VI. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>		<b>1.591.083.715.991</b>	<b>1.724.101.545.186</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		526.110.829.307	538.028.932.731
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.064.972.886.684	1.186.072.612.455

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.098.753.379.812</b>	<b>1.282.358.374.919</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000.000	22.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	216.1		22.000.000.000	22.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.605.175.886</b>	<b>16.033.364.231</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.165.764.208	6.495.512.172
- Nguyên giá	222		25.150.907.036	25.150.907.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.985.142.828)	(18.655.394.864)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.439.411.678	9.537.852.059
- Nguyên giá	228		32.438.480.734	32.392.480.734
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.999.069.056)	(22.854.628.675)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>10.983.389.295</b>	<b>12.400.600.817</b>
- Nguyên giá	231		34.055.061.893	34.055.061.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.071.672.598)	(21.654.461.076)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>98.935.878</b>	<b>98.935.878</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		98.935.878	98.935.878
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>1.056.475.849.312</b>	<b>1.230.137.319.736</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		125.000.000.000	125.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		470.445.070.000	473.140.070.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.081.138.135)	(9.999.821.329)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		409.111.917.447	581.997.071.065
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.590.029.441</b>	<b>1.688.154.257</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.168.826.614	1.274.232.265
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		421.202.827	413.921.992
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.313.778.006.353</b>	<b>6.239.283.070.456</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.728.530.296.596</b>	<b>3.592.184.135.513</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.724.096.400.477</b>	<b>3.586.897.702.877</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	936.307.148.265	865.492.353.438
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		693.969.225.780	607.989.414.980
1.2. Phải trả khác cho người bán	311.2		242.337.922.485	257.502.938.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.386.887.302	2.014.397.619
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	5.406.853.938	9.043.565.559
4. Phải trả người lao động	314		17.266.133.271	15.923.297.270
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	134.798.605.549	3.294.145.268
6. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	14	110.592.257.769	112.089.806.982
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.415.702.598	15.192.432.223
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	15	2.500.922.811.785	2.563.847.704.518
8.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		794.916.072.658	789.464.591.202
8.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		1.512.161.661.581	1.582.784.781.398
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		193.845.077.546	191.598.331.918
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.433.896.119</b>	<b>5.286.432.636</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	2.327.881.984	3.216.822.676
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.106.014.135	2.069.609.960
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>2.585.247.709.757</b>	<b>2.647.098.934.943</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.585.247.709.757</b>	<b>2.647.098.934.943</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		566.368.537.309	566.368.537.309
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		200.693.852.724	195.985.615.251
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		126.198.339.406	114.427.745.725
5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	421		381.227.610.318	459.557.666.658
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		302.266.542.258	258.134.931.590
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		78.961.068.060	201.422.735.068
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.313.778.006.353</b>	<b>6.239.283.070.456</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1. Ngoại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ	USD	1.364.729,41	6.421.292,55
Đô la Úc	AUD	365,59	383,11
Yên Nhật	JPY	30.911,00	32.363,00
Đô la Singapore	SGD	456,13	478,21
Bảng Anh	GBP	181,21	187,81
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	102.450,29	180.250,61

  
Nguyễn Thành Công  
Người lập biểu

  
Lưu Thị Việt Hoa  
Kế toán trưởng

  
Phạm Công Tú  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

### **PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	981.229.357.935	964.477.551.001
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	289.476.728.670	224.139.619.236
3. Thu nhập khác	13	14.231.231.798	15.072.467.751
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	859.621.410.826	818.356.988.482
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	68.102.434.428	23.002.783.824
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	65.772.157.874	88.812.375.162
7. Chi phí khác	24	2.562.981.893	2.744.439.173
8. Lỗ hoạt động thị điểm bảo hiểm nông nghiệp	26	(182.695.993)	(46.732.312)
9. Chênh lệch dương hoạt động bảo hiểm tàu khai thác hải sản xa bờ	27	3.405.849.758	-
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24+26-27)</b>	<b>50</b>	<b>285.289.787.631</b>	<b>270.726.319.035</b>
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	51.444.421.276	47.388.463.218
12. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	(7.280.835)	(202.883.783)
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>233.852.647.190</b>	<b>223.540.739.600</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

### **PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

*Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>1.646.020.498.992</b>	<b>1.615.531.301.918</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.651.471.980.448	1.655.557.770.806
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		5.451.481.456	40.026.468.888
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>1.076.496.869.623</b>	<b>1.046.187.700.508</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.064.578.766.199	1.094.034.381.793
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(11.918.103.424)	47.846.681.285
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>569.523.629.369</b>	<b>569.343.601.410</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>411.705.728.566</b>	<b>395.133.949.591</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		225.549.747.164	219.843.156.945
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	19	186.155.981.402	175.290.792.646
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>981.229.357.935</b>	<b>964.477.551.001</b>
<b>6. Chi bồi thường (11=11.1)</b>	<b>11</b>		<b>915.027.572.983</b>	<b>960.920.990.969</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		915.027.572.983	960.920.990.969
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		667.456.345.229	700.149.869.512
8. (Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(66.364.159.211)	(254.549.864.081)
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(117.251.096.612)	(266.798.257.259)
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>20</b>	<b>298.458.165.155</b>	<b>273.019.514.635</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		(1.159.104.130)	16.845.701.670
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>		<b>562.322.349.801</b>	<b>528.491.772.177</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		364.407.391.143	340.266.357.974
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	21	197.914.958.658	188.225.414.203
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>859.621.410.826</b>	<b>818.356.988.482</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>121.607.947.109</b>	<b>146.120.562.519</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	22	289.476.728.670	224.139.619.236
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	23	68.102.434.428	23.002.783.824
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>221.374.294.242</b>	<b>201.136.835.412</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	65.772.157.874	88.812.375.162
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)</b>	<b>30</b>		<b>277.210.083.477</b>	<b>258.445.022.769</b>
20. Thu nhập khác	31		14.231.231.798	15.072.467.751
21. Chi phí khác	32		2.562.981.893	2.744.439.173
<b>22. Lãi khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>11.668.249.905</b>	<b>12.328.028.578</b>
23. Lỗ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp	40.1	26	(182.695.993)	(46.732.312)
24. Chênh lệch dương hoạt động bảo hiểm tàu khai thác hải sản xa bờ	40.2	27	3.405.849.758	-
<b>24. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1-40.2)</b>	<b>50</b>		<b>285.289.787.631</b>	<b>270.726.319.035</b>
25. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	51.444.421.276	47.388.463.218
26. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	28	(7.280.835)	(202.883.783)
<b>27. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>233.852.647.190</b>	<b>223.540.739.600</b>

**Nguyễn Thành Công**  
Người lập biểu

**Lưu Thị Việt Hoà**  
Kế toán trưởng



**Phạm Công Tú**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)</b>	<b>100</b>		<b>5.235.413.769.624</b>	<b>4.974.630.577.596</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>169.817.165.145</b>	<b>75.029.558.127</b>
1. Tiền	111		66.817.165.145	70.829.558.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.000.000.000	4.200.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.218.226.936.835</b>	<b>2.045.815.094.125</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		255.297.398	19.154.237.103
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(176.172.398)	(325.057.978)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.218.147.811.835	2.026.985.915.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.067.450.453.050</b>	<b>961.571.460.468</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.094.654.677.717	1.017.813.026.176
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		770.606.426.398	671.608.358.009
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		324.048.251.319	346.204.668.167
2. Phải thu ngắn hạn khác	136		11.117.753.311	342.986.056
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(38.321.977.978)	(56.584.551.764)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>59.021.267</b>	<b>53.899.538</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.021.267	53.899.538
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>188.776.477.336</b>	<b>168.059.020.152</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	187.931.351.792	167.284.562.994
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		185.674.353.313	162.868.724.418
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		2.256.998.479	4.415.838.576
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		845.125.544	774.457.158
<b>VI. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>		<b>1.591.083.715.991</b>	<b>1.724.101.545.186</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		526.110.829.307	538.028.932.731
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.064.972.886.684	1.186.072.612.455

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.213.231.242.437</b>	<b>1.375.719.859.874</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000.000	22.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	216.1		22.000.000.000	22.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.605.175.886</b>	<b>16.033.364.231</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.165.764.208	6.495.512.172
- Nguyên giá	222		25.150.907.036	25.150.907.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.985.142.828)	(18.655.394.864)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.439.411.678	9.537.852.059
- Nguyên giá	228		32.480.195.934	32.434.195.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.040.784.256)	(22.896.343.875)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>10.983.389.295</b>	<b>12.400.600.817</b>
- Nguyên giá	231		34.055.061.893	34.055.061.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.071.672.598)	(21.654.461.076)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.558.937.466</b>	<b>13.558.937.466</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.558.937.466	13.558.937.466
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>1.091.238.504.138</b>	<b>1.243.783.596.892</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		227.722.596.956	202.802.787.058
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		470.445.070.000	476.140.070.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.737.031.437)	(3.852.282.403)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		395.807.868.619	568.693.022.237
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>67.845.235.652</b>	<b>67.943.360.468</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.168.826.614	1.274.232.265
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		421.202.827	413.921.992
3. Tài sản dài hạn khác	268	9	66.255.206.211	66.255.206.211
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.448.645.012.061</b>	<b>6.350.350.437.470</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.729.770.339.881</b>	<b>3.595.005.021.683</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.725.336.443.762</b>	<b>3.589.718.589.047</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	936.307.148.265	865.492.353.438
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		693.969.225.780	607.989.414.980
1.2. Phải trả khác cho người bán	311.2		242.337.922.485	257.502.938.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.386.887.302	2.014.397.619
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.418.007.023	9.054.718.644
4. Phải trả người lao động	314		17.387.973.271	16.045.137.270
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	135.905.155.749	5.981.538.353
6. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	15	110.592.257.769	112.089.806.982
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.416.202.598	15.192.932.223
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	16	2.500.922.811.785	2.563.847.704.518
8.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		794.916.072.658	789.464.591.202
8.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		1.512.161.661.581	1.582.784.781.398
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		193.845.077.546	191.598.331.918
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.433.896.119</b>	<b>5.286.432.636</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.327.881.984	3.216.822.676
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.106.014.135	2.069.609.960
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>2.718.874.672.180</b>	<b>2.755.345.415.787</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.718.874.672.180</b>	<b>2.755.345.415.787</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	566.368.537.309	566.368.537.309
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	200.956.093.477	196.247.856.004
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419	17	126.198.339.406	114.427.745.725
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	483.692.105.013	537.098.212.962
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		379.807.088.562	319.439.466.971
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		103.885.016.451	217.658.745.991
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.900.226.975	30.443.693.787
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.448.645.012.061</b>	<b>6.350.350.437.470</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Ngoại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ	USD	1.364.729,41	6.421.292,55
Đô la Úc	AUD	365,59	383,11
Yên Nhật	JPY	30.911,00	32.363,00
Đô la Singapore	SGD	456,13	478,21
Bảng Anh	GBP	181,21	187,81
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	102.450,29	180.250,61

  
Nguyễn Thành Công  
Người lập biểu

  
Lưu Thị Việt Hoa  
Kế toán trưởng

  
Phạm Công Tứ  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

### **PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	981.229.357.935	964.477.551.001
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	283.139.410.083	216.337.521.129
3. Thu nhập khác	13	13.873.260.888	14.721.212.478
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	859.621.410.826	818.356.988.482
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	71.557.509.884	25.907.732.774
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	65.772.157.874	88.812.375.162
7. Chi phí khác	24	2.562.981.893	2.744.439.173
8. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	25	35.530.846.532	27.502.342.383
9. Lỗ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp	26	(182.695.993)	(46.732.312)
10. Chênh lệch dương hoạt động bảo hiểm tàu khai thác hải sản xa bờ	27	3.405.849.758	-
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24+25+26-27)</b>	<b>50</b>	<b>310.670.269.210</b>	<b>287.170.359.088</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	51.444.421.276	47.388.463.218
13. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	(7.280.835)	(202.883.783)
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>259.233.128.769</b>	<b>239.984.779.653</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>1.646.020.498.992</b>	<b>1.615.531.301.918</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.651.471.980.448	1.655.557.770.806
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		5.451.481.456	40.026.468.888
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>19</b>	<b>1.076.496.869.623</b>	<b>1.046.187.700.508</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.064.578.766.199	1.094.034.381.793
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(11.918.103.424)	47.846.681.285
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>569.523.629.369</b>	<b>569.343.601.410</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>411.705.728.566</b>	<b>395.133.949.591</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		225.549.747.164	219.843.156.945
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	20	186.155.981.402	175.290.792.646
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>981.229.357.935</b>	<b>964.477.551.001</b>
<b>6. Chi bồi thường (11=11.1)</b>	<b>11</b>		<b>915.027.572.983</b>	<b>960.920.990.969</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		915.027.572.983	960.920.990.969
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		667.456.345.229	700.149.869.512
8. (Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(66.364.159.211)	(254.549.864.081)
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(117.251.096.612)	(266.798.257.259)
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>298.458.165.155</b>	<b>273.019.514.635</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		(1.159.104.130)	16.845.701.670
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>		<b>562.322.349.801</b>	<b>528.491.772.177</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		364.407.391.143	340.266.357.974
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	22	197.914.958.658	188.225.414.203
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>859.621.410.826</b>	<b>818.356.988.482</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>121.607.947.109</b>	<b>146.120.562.519</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
				Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	283.139.410.083	216.337.521.129
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	71.557.509.884	25.907.732.774
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>211.581.900.199</b>	<b>190.429.788.355</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	65.772.157.874	88.812.375.162
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)</b>	<b>30</b>		<b>267.417.689.434</b>	<b>247.737.975.712</b>
20. Thu nhập khác	31		13.873.260.888	14.721.212.478
21. Chi phí khác	32		2.562.981.893	2.744.439.173
<b>22. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>11.310.278.995</b>	<b>11.976.773.305</b>
23. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	40.1		35.530.846.532	27.502.342.383
24. Lỗ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp	40.2	27	(182.695.993)	(46.732.312)
25. Chênh lệch dương hoạt động bảo hiểm tàu khai thác hải sản xa bờ	40.3	28	3.405.849.758	-
<b>26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1+40.2-40.3)</b>	<b>50</b>		<b>310.670.269.210</b>	<b>287.170.359.088</b>
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	51.444.421.276	47.388.463.218
28. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	29	(7.280.835)	(202.883.783)
<b>29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>259.233.128.769</b>	<b>239.984.779.653</b>
<i>Phân phối cho:</i>				
Cổ đông của Tổng Công ty	61		258.776.595.581	239.776.750.523
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		456.533.188	208.029.130
<b>30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>1.918</b>	<b>1.777</b>

  
Nguyễn Thành Công  
Người lập biểu

  
Lưu Thị Việt Hòa  
Kế toán trưởng

  
Phạm Công Tứ  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

----- ≅ -----  
**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NĂM 2017 VÀ QUÍ I/2018**

(Tài liệu phục vụ ĐHCĐ thường niên 2018 ngày 19/4/2018)

**A/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 điều chỉnh	% KH đầu năm	% KH đ/ chỉnh
Doanh thu phí nhận	1.651.472	1.770.000	1.635.000	93,3%	101,0%
Phí giữ lại	586.893	590.000	532.000	99,5%	110,3%
Lợi nhuận trước thuế	285.290	278.000	285.000	102,6%	100,1%
- Chênh lệch tỷ giá	(1.559)	Chưa xác định	Chưa xác định		
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	286.849	278.000	285.000	103,2%	100,6%

**B/ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2017**

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành các phiên họp thường kỳ, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản và đã biểu quyết thông qua một số nội dung liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty:

- Quyết định số 01/2017/QĐ-HĐQT ngày 19/01/2017**
  - Phê duyệt Chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2017-2020 của VINARE.
- Quyết định số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2017**
  - Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
- Quyết định của Phiên họp HĐQT lần thứ VIII, Nhiệm kỳ III (số 03/2017/QĐ-HĐQT ngày 21/3/2017):**
  - Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2016;
  - Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2016 và trình ĐHCĐ thông qua;

- Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2016;
- Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2017;
- Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2016;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016 và Quý I/2017;
- Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2017;
- HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017.

**4. Quyết định số 04/2017/QĐ-HĐQT ngày 11/4/2017**

- Cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 26/4/2017;
- Chỉ định Tổ thư ký tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 26/4/2017;
- Đề cử cán bộ đề Đại hội đồng cổ đông thường niên 26/4/2017 bầu vào Ban kiểm phiếu.

**5. Quyết định số 05/2017/QĐ-HĐQT ngày 11/4/2017**

- Nhất trí thông qua và trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Quang Khánh;
- Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát để đảm bảo đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát (5 người) theo Nghị quyết số 05/2015/NQ-ĐHĐCĐ sẽ tiến hành vào dịp thích hợp.

**6. Quyết định của Phiên họp HĐQT lần thứ IX, Nhiệm kỳ III (số 06/2017/QĐ-HĐQT ngày 25/4/2017)**

- Đồng ý về mặt nguyên tắc các đề xuất của Tổng Giám đốc về chủ trương nắm giữ hoặc thoái vốn đối với từng khoản đầu tư trong danh mục đầu tư tại doanh nghiệp khác của VINARE;
- Bổ nhiệm các nhân sự giữ chức danh Thư ký Tổng công ty;
- Chấp thuận đề nghị bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2017 của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt; Trình ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2019 lên 10 người, nhất trí đề cử ông Nguyễn Đình An để bầu thành viên HĐQT theo đề xuất của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt; Sửa đổi nội dung trình ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua: Việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Quang Khánh và Giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu bổ sung ông Vũ Ngọc Vượng làm thành viên Ban kiểm soát theo đề cử của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt;
- Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 9 Quy chế Quản trị công ty hiện hành theo nội dung được quy định tại khoản 13 Điều 22 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE và thông qua Thẻ lệ biểu quyết và bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên 2017.

**7. Quyết định số 08/2017/QĐ-HĐQT ngày 5/6/2017**

- Nhất trí lựa chọn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2017 của VINARE.

**8. Quyết định số 09/2017/QĐ-HĐQT ngày 12/07/2017**

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Triển khai phần mềm Kế toán tổng hợp tại Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.

**9. Quyết định của Phiên họp HĐQT lần thứ X, Nhiệm kỳ III (số 10/2017/QĐ-HĐQT ngày 16/8/2017)**

- Ghi nhận báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 của Tổng Giám đốc;
- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt và ký ban hành Quy chế Đầu tư sửa đổi theo đề nghị của Tổng Giám đốc sau khi hoàn chỉnh Quy chế trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp ngày 16/08/2017;
- Thông qua dự kiến thời gian và nội dung cuộc họp HĐQT lần thứ 11, Nhiệm kỳ III.

**10. Quyết định số 11/2017/QĐ- HĐQT ngày 01/9/2017**

- Ban hành Quy chế Đầu tư sửa đổi

**11. Quyết định số 12/2017/QĐ- HĐQT ngày 18/10/2017**

- Quyết định về giao dịch với bên có liên quan – Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là bên có liên quan với ông Nguyễn Đình An – Thành viên Hội đồng quản trị VINARE.

**12. Quyết định số 13/2017/QĐ- HĐQT ngày 01/11/2017**

- Quyết định về giao dịch với bên có liên quan – Ngân hàng TMCP Tiên Phong là bên có liên quan với ông Phạm Công Tứ – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc VINARE.

**13. Quyết định số 15/2017/QĐ- HĐQT ngày 14/11/2017**

- Nhất trí thông qua và trình ĐHCĐ phê chuẩn việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 của VINARE

**14. Quyết định của Phiên họp HĐQT lần thứ XI, Nhiệm kỳ III (số 16/2017/QĐ- HĐQT ngày 15/11/2017)**

- Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng 2017;
- Đồng ý về mặt nguyên tắc chủ trương tái cấu trúc mô hình quản trị công ty. Giao Tổng Giám đốc chuẩn bị các công việc cần thiết (thuê tư vấn nếu cần) liên quan đến nội dung này để trình Hội đồng quản trị và ĐHCĐ phê chuẩn theo quy định;
- Hội đồng quản trị nhất trí từng bước kiện toàn bộ máy nhân sự đáp ứng yêu cầu của pháp luật và mô hình quản trị công ty;
- Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Châu, Giám đốc Ban Nhân sự – Tổng hợp, giữ chức danh Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

**15. Quyết định số 17/2017/QĐ- HĐQT ngày 24/11/2017**

- Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu “Cung cấp và triển khai phần mềm Kế toán tổng hợp”

**16. Quyết định số 18/2017/QĐ- HĐQT ngày 15/12/2017**

- Phê chuẩn chương trình Tái bảo hiểm 2018 của VINARE

**17. Quyết định số 19/2017/QĐ- HĐQT ngày 19/12/2017**

- Tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền đợt I năm 2017 với tỷ lệ 10%/mệnh giá (1 cổ phần được nhận 1.000 đồng)
- Dự kiến ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức: chậm nhất vào ngày 29/12/2017. Thời gian chi trả cổ tức dự kiến: trong tháng 01/2018.
- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT toàn quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai chi trả cổ tức và báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất.

**18. Quyết định số 20/2017/QĐ- HĐQT ngày 29/12/2017**

- Đồng ý hồ sơ đăng ký áp dụng nguyên tắc tách quỹ trình Bộ Tài chính phê chuẩn;
- Đồng ý hồ sơ đăng ký áp dụng phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ trình Bộ Tài chính phê duyệt;
- Đồng ý Tổng Công ty thực hiện (thời điểm và phương pháp áp dụng) theo kết quả phê duyệt của Bộ Tài chính.

**C/ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2017**

**1. Tiểu ban Chính sách phát triển:**

- Rà soát thị trường và đánh giá thông tin khách hàng
- Đánh giá lại mô hình quản trị công ty và đề xuất

**2. Tiểu ban Nhân sự:**

- Rà soát lại các nội dung công việc của Tiểu ban về lên chương trình hành động
- Cho ý kiến về qui hoạch cán bộ

**3. Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:**

- Rà soát các chính sách lương thưởng và đóng bảo hiểm xã hội

**D/ THÙ LAO CỦA HĐQT 2017**

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của HĐQT (bao gồm cả thù lao thành viên HĐQT chuyên trách), BKS, tổ thư ký giúp việc là 3,85 tỷ VND/năm. Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.

Chi tiết thù lao của từng thành viên đã được chi trả trong năm 2017 (trước khi nộp thuế TNCN) như sau:

<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>Thù lao 2017 trước thuế (VND)</b>
Ông Lê Song Lai – Chủ tịch HĐQT	300.000.000
Ông Martyn Parker – Phó Chủ tịch	216.000.000

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



Ông Phan Kim Bằng – Phó Chủ tịch	216.000.000
Ông Trần Vĩnh Đức – Thành viên	180.000.000
Ông Phạm Sỹ Danh – Thành viên	240.000.000
Ông Phạm Công Tứ - Thành viên	180.000.000
Ông Mai Xuân Dũng – Thành viên	180.000.000
Ông Đào Nam Hải – Thành viên	240.000.000
Ông Beat Schnegg – Thành viên	180.000.000
Ông Nguyễn Đình An – Thành viên	120.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>2.052.000.000</u></b>

#### **D/ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG QUÍ I/2018**

1. Quyết định số 01/2018/QĐ-HĐQT ngày 8/3/2018 của HĐQT về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
2. Quyết định của Phiên họp HĐQT lần thứ XII, Nhiệm kỳ III (số 02/2018/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2017):
  - Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2017;
  - Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2017 và trình ĐHĐCĐ thông qua;
  - Phê duyệt thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2017;
  - Đồng ý chủ trương thoái vốn của VINARE tại PJICO và giao Tổng Giám đốc chủ động thực hiện kế hoạch thoái vốn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và tối đa hóa lợi ích của VINARE;
  - Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2018;
  - Thông qua Báo cáo giao dịch với bên có liên quan 2017;
  - Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và Quý I/2018;
  - Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh 2018
  - Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2018;
  - HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018.

#### **E/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Giám đốc điều hành.
- Ban Giám đốc điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

- Ban Giám đốc tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp HĐQT.
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

#### F/ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VỚI BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng Công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành.
- Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

#### G/ KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

HĐQT thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018 như sau:

##### 1. Kế hoạch kinh doanh 2018:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tăng trưởng
<b>Doanh thu phí nhận</b>	<b>1,651,472</b>	<b>1,770,000</b>	<b>107.2%</b>
<b>Phí giữ lại</b>	<b>586,893</b>	<b>677,000</b>	<b>115.4%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>285,290</b>	<b>308,000</b>	<b>107,9%</b>
- Chênh lệch tỷ giá	1,559		
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	286,849	308,000	
<b>Tổng thu – Tổng chi không lương</b>	<b>338,000</b>	<b>358,000</b>	<b>105,9%</b>

##### 2. Nhiệm vụ trọng tâm 2018 (phân công cụ thể từng thành viên theo lĩnh vực):

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2018

- Phát triển, đẩy mạnh kinh doanh trong lĩnh vực BH công
- Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: BH Tài sản công, Bancassurance, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp, Tàu cá ...
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường
- Đánh giá và phân bổ nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy
- Tăng cường quản lý rủi ro (nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng)
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả
- Nâng cao năng lực đầu tư

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINARE**

**CHỦ TỊCH**



**Lê Song Lai**

C.P. \* ICM

Số: 01/2018/VNR-BKS

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018)*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông TCT CP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam  
Hội đồng Quản trị TCT CP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam**

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 ngày 26/4/2017 của VINARE;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của VINARE.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

### **A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2016, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và các cuộc họp HĐQT trong năm.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của VINARE theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

### **B. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017**

#### **I. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2017**

Hoạt động kinh doanh của VINARE năm 2017 đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận, cụ thể như sau:

##### **1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao**

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017 và Quyết định số 15/2017/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2017 như sau:

Chỉ tiêu  (Đơn vị: triệu đồng)	Thực hiện		Kế hoạch 2017		% thực hiện		
	2016	2017	ĐHĐCĐ giao	Đã điều chỉnh bởi HĐQT	So với 2016	So với KH 2017	
						ĐHĐCĐ giao	Đã điều chỉnh bởi HĐQT
Doanh thu phí nhận TBH	1,655,558	1,651,472	1,770,000	1,635,000	99.8%	93.3%	101.0%
Doanh thu phí giữ lại	561,524	586,893	590,000	532,000	104.5%	99.5%	110.3%
Lợi nhuận trước thuế	270,726	285,290	278,000	285,000	105.4%	102.6%	100.1%

## 2. Một số chỉ tiêu của hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	% thay đổi
1	<b>Tổng tài sản</b>	<b>6,239,283</b>	<b>6,313,778</b>	<b>101.2%</b>
2	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2,647,099</b>	<b>2,585,248</b>	<b>97.7%</b>
3	<b>Dự phòng nghiệp vụ (theo TNGL)</b>	<b>839,746</b>	<b>909,839</b>	<b>108.3%</b>
3	Dự phòng phí	251,436	268,805	106.9%
3	Dự phòng bồi thường	396,712	447,189	112.7%
3	Dự phòng dao động lớn	191,598	193,845	101.2%
4	<b>Doanh thu</b>			
4	Doanh thu phí nhận tái	1,655,558	1,651,472	99.8%
4	Doanh thu thuần hoạt động KDBH	964,477	981,229	101.7%
4	Doanh thu tài chính	224,139	289,477	129.2%
4	Thu khác	15,072	14,231	94.4%
5	<b>Chi phí</b>			
5	Chi bồi thường	960,921	915,028	95.2%
	Trong đó: Chi bồi thường thuộc TNGL	273,019	298,458	109.3%
5	Chi phí quản lý và chi khác hoạt động KDBH	277,037	263,687	95.2%
5	Chi phí tài chính	23,002	68,102	296.1%
5	Chi phí khác	2,744	2,563	93.4%
6	<b>Lợi nhuận</b>			
6	Lợi nhuận gộp từ KDBH	146,120	121,608	83.2%
6	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính	201,136	221,374	110.1%
6	Lợi nhuận từ hoạt động khác	12,328	11,668	94.6%
6	Lợi nhuận trước thuế	270,726	285,290	105.4%
7	Lợi nhuận sau thuế	223,540	233,853	104.6%

(Theo BCTC riêng đã kiểm toán)

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017 tăng 1.2% so với 31/12/2016 nhưng vốn chủ sở hữu giảm 2.3% do VINARE thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ lần lượt là 12% và 10% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tương đương số tiền 288.37 tỷ đồng.

Chỉ tiêu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm giảm nhẹ (0.2%) so với năm 2016 nhưng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh thu tài chính đều tăng so với năm 2016.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4.8%;

Chi phí tài chính tăng mạnh so với 2016 do:

- (1) Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 31.6 tỷ đồng so với 2016. Tuy nhiên, lãi chênh lệch tỷ giá cũng tăng lên tương ứng nên lãi/lỗ ròng từ chênh lệch tỷ giá năm 2017 là 0.26 tỷ đồng – tương đương năm 2016 (0.2 tỷ đồng);
- (2) Giảm hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư 16.3 tỷ đồng (năm 2017 hoàn nhập dự phòng 1.99 tỷ đồng trong khi năm 2016 hoàn nhập dự phòng 18.29 tỷ đồng).

Dự phòng nghiệp vụ: Bộ Tài chính ban hành công văn số 2713/BTC-QLBH ngày 12/3/2018 chấp thuận việc điều chỉnh phương pháp dự phòng nghiệp vụ của Vina Re từ 2017. Theo đó, việc thay đổi như sau:

- (1) Dự phòng phí: Đối với các hợp đồng trên 1 năm: 55% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính. Việc thay đổi này làm tăng dự phòng nhận tái bảo hiểm và dự phòng nhượng tái bảo hiểm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 tăng lần lượt 2,2 tỷ và 1 tỷ đồng.
- (2) Dự phòng bồi thường: không thay đổi.
- (3) Dự phòng dao động lớn: trích 2% trên phí bảo hiểm giữ lại (trước đây là 3%) theo từng nghiệp vụ cho đến khi bằng 100% phí giữ lại. Việc thay đổi này làm chỉ tiêu tăng dự phòng dao động lớn trên báo cáo kết quả kinh doanh 2017 thấp hơn 5,8 tỷ đồng.
- (4) Dự phòng bảo đảm cân đối:
  - a. Dự phòng tái bảo hiểm nhân thọ: trích lập 1% lợi nhuận trước thuế, được trích lập cho đến khi bằng 5% phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ.
  - b. Dự phòng tái bảo hiểm sức khỏe: trích 2% phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm.

Trong năm 2017, Vina Re đã trích lập dự phòng đảm bảo cân đối 269 triệu đồng và được theo dõi riêng trên chỉ tiêu dự phòng dao động lớn.

Lợi nhuận gộp từ kinh doanh bảo hiểm giảm 16.8% so với năm 2016, đạt 121.6 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trích lập dự phòng phí bảo hiểm (năm 2017 trích thêm 12 tỷ đồng trong khi năm 2016 hoàn nhập 47.8 tỷ đồng) và chi phí bồi thường tăng (+9.3%).

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính và Lợi nhuận trước thuế đều tăng so với 2016.

## **2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm và quản lý chi phí**

Năm 2017 doanh thu phí nhận tái và Doanh thu phí giữ lại không đạt kế hoạch được ĐHCĐ thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2017, nhưng đã hoàn thành kế hoạch điều chỉnh được HĐQT thông qua. Một số lý do nội tại để đạt được kết quả như trên:

- Tỷ lệ phí giảm mạnh, điều kiện điều khoản mở rộng do cạnh tranh gay gắt làm giảm doanh thu gốc của các nghiệp vụ chủ chốt như Tài sản (giảm 10-15%), Kỹ thuật (giảm 30-40%). Các công ty BH gốc tăng mức giữ lại.
- Việc phân chia thị phần các dịch vụ có TBH giữa các công ty gốc bất lợi cho việc nhận dịch vụ của VINARE
- VINARE theo đuổi chủ trương kiểm soát chặt chẽ rủi ro, tăng cường kỷ luật khai thác, không nhận dịch vụ dưới chuẩn.
- Bảo hiểm Tàu cá bị ảnh hưởng do chậm có quyết định tiếp tục triển khai của Chính phủ.
- Nghiệp vụ Dầu khí: doanh thu phí giảm 62% so với năm trước do hạn chế nguồn nhận dịch vụ cả ở trong nước và nước ngoài. PVI không có chính sách trao đổi dịch vụ này trong nước.

## 2.2. Hiệu quả kinh doanh theo nghiệp vụ và Bồi thường

Bồi thường thuộc TNGL tăng 9.3% (25.4 tỷ) so với năm 2016.

Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của bão Damrey (tháng 11), tổng trách nhiệm nhận của VINARE đối với 3 nghiệp vụ Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải là 63.2 tỷ VND; chỉ tiêu bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại bị ảnh hưởng 43.1 tỷ VND

Trong năm 2017, VINARE sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn để bù đắp cho nghiệp vụ Thân tàu số tiền 13 tỷ VND.

## 2.3. Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm

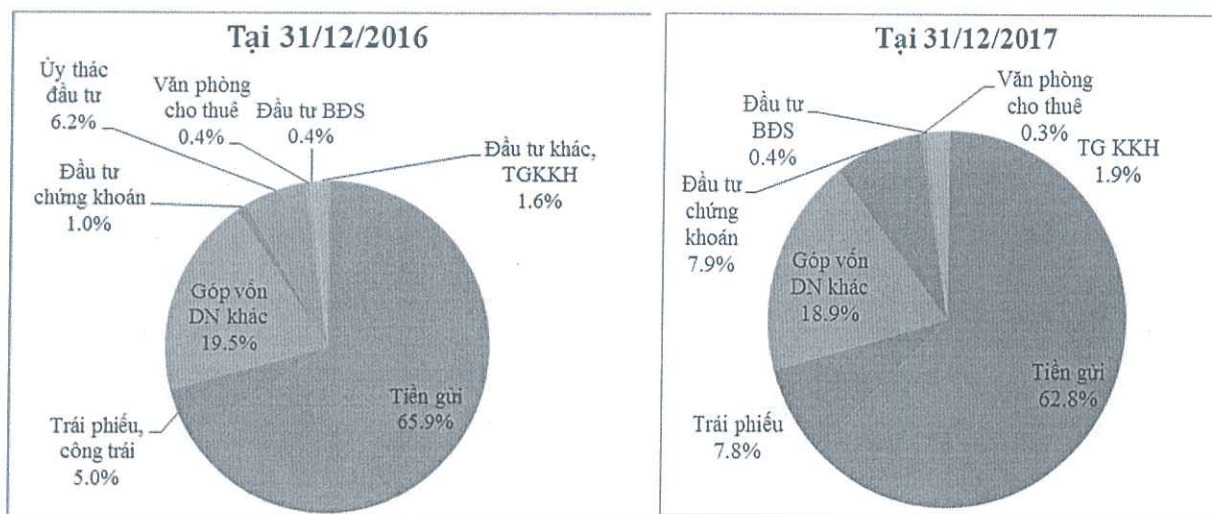
Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm tại 31/12/2017 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Tăng/Giảm
1	Công nợ phải thu	655.159	758.952	15.8%
2	Công nợ phải trả	598.978	688.567	15.0%
3	Net công nợ phải thu	56.181	70.385	25.3%

## 2.4. Hoạt động đầu tư tài chính

- Cơ cấu danh mục đầu tư:



Đến 31/12/2016 tổng giá trị danh mục đầu tư của VINARE là 3.470,2 tỷ đồng, tăng 89.8 tỷ đồng so đầu năm, cơ cấu danh mục đầu tư có thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng tiền gửi (từ 65.9% xuống 62.8%), giảm góp vốn (từ 19.5% xuống 18.9%) và tăng tỷ trọng trái phiếu (từ 5% lên 7.8%), tăng đầu tư chứng khoán thông qua ủy thác đầu tư và giảm tự doanh (từ 7,2% lên 7.9%).

- **Hiệu quả hoạt động đầu tư chính:**

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2017 là 221.4 tỷ đồng - tăng so với năm 2016 là 20.2 tỷ đồng chủ yếu là do:

- Lãi tiền gửi có kỳ hạn là 158.9 tỷ đồng - tăng 29 tỷ đồng
- Lãi từ ủy thác đầu tư là 33.2 tỷ đồng – tăng 10.2 tỷ đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia là 28 tỷ đồng – giảm 5 tỷ đồng
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư là 1.99 tỷ đồng – giảm 16.3 tỷ đồng

*(Theo thuyết minh số 22, 23 tại BCTC riêng lẻ đã kiểm toán)*

- **Hoạt động đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác:**

Hầu hết các doanh nghiệp VINARE có vốn góp đều có kết quả kinh doanh có lãi trong năm tài chính 2017, ngoại trừ Bảo hiểm Phú Hưng tiếp tục thua lỗ. Các khoản đầu tư của VNR đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

## **II. Công tác chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban điều hành**

### **1. Công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp**

VINARE chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước và các quy chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động ổn định của Tổng Công ty.

### **2. Phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành, các Phòng và Ban kiểm soát**

HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị của VINARE đều tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thực hiện giải trình cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

### **3. Các mặt hoạt động khác**

Thống nhất với báo cáo của Ban điều hành

## **III. Đánh giá kết quả**

Căn cứ kết quả thẩm định trên báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017. Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Về hoạt động kinh doanh

Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận nhưng không hoàn thành kế hoạch doanh thu năm 2017 do ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, nếu so với kế hoạch kinh doanh điều chỉnh HĐQT trình ĐHĐCĐ, VNR đã hoàn thành 100% kế hoạch được giao.

Thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính, trích lập dự phòng đầy đủ và theo nguyên tắc thận trọng.

- Về Quản trị điều hành



Hội đồng quản trị và Ban điều hành sát sao, quan điểm minh bạch rõ ràng.

Các vấn đề ra quyết định đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới ban điều hành và Ban kiểm soát.

Ban điều hành chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT.

### **C. KHUYẾN NGHỊ**

- VINARE cần nghiên cứu để đảm bảo số thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT theo Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Tập trung nguồn lực để tăng cường khai thác doanh thu nhận tái trên cơ sở vẫn đảm bảo nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ rủi ro và tuân thủ kỷ luật khai thác.
- Rà soát chặt chẽ và đôn đốc việc thu hồi nợ do công nợ phải thu – phải trả đang ở mức cao.
- Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý danh mục đầu tư
- Tăng cường năng lực quản trị rủi ro, tham gia tích cực vào đánh giá và giám định tổn thất một số vụ bảo hiểm lớn
- Tăng cường các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực của chuyên gia tính toán.
- Trong danh mục đầu tư của VINARE, đối với các doanh nghiệp có vốn góp của VINARE kinh doanh không có lãi cần nghiên cứu việc tái cơ cấu, thoái vốn tại các doanh nghiệp này để tăng hiệu quả đầu tư của VINARE.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam trong năm 2017.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Trưởng Ban**



**Trần Trung Tính**

TCTY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM  
QUỐC GIA VIỆT NAM  
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----\*\*\*-----

V/v: Đề xuất và xin ý kiến lựa chọn công  
ty kiểm toán độc lập năm 2018

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2018

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia VN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 8/12/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với các Công ty niêm yết;

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông VINARE lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2018 như sau:

1. Công ty KPMG Việt nam
2. Công ty Deloitte Việt Nam
3. Công ty Ernst & Young Việt Nam (E & Y)
4. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PWC)

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị VINARE - căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán (cụ thể do mỗi công ty kiểm toán đưa ra) - tiến hành lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM.BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Trần Trung Tính

**(dự thảo) NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

Căn cứ:

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 19 tháng 4 năm 2018;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2017 của VINARE, cụ thể như sau:

*Đơn vị: triệu VND*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 9T/2017	KH 2017 (đ/ chỉnh)	% so KH đầu năm	% so với 2016
<b>Doanh thu phí nhận</b>	<b>1.655.558</b>	<b>1.770.000</b>	<b>1.232.847</b>	<b>1.635.000</b>	92,4%	98,7%
<b>Phí giữ lại</b>	<b>561.523</b>	<b>590.000</b>	<b>396.955</b>	<b>532.000</b>	90,2%	94,7%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>270.773</b>	<b>278.000</b>	<b>234.839</b>	<b>285.000</b>	102,5%	105,3%
- Chênh lệch tỷ giá	4.683	(chưa xác định)	763	(chưa xác định)		
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	266.090	278.000	234.076	285.000	102,5%	107,1%

**Điều 2:** Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty Deloitte Việt Nam:

**2.1 Thông qua báo cáo tài chính riêng năm 2017:** Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.313.778.006.353 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.585.247.709.757 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nhuợng TBH: 1.591.083.715.991 VND
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.500.922.811.785 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 VND	KH 2017 VND	Thực hiện 2016 VND	So sánh 2017/KH	So sánh 2017/16
<b>1. Doanh thu phí nhận TBH</b>	<b>1.651.205.993.827</b>	<b>1.635.000.000.000</b>	<b>1.655.557.770.806</b>		
- Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.651.471.980.448	1.635.000.000.000	1.655.557.770.806	101,0 %	99,8%
- Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN	(265.986.621)		0		
<b>2. Phí giữ lại</b>	<b>586.786.416.338</b>	<b>532.000.000.000</b>	<b>561.523.389.013</b>		
- Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	586.893.214.249	532.000.000.000	561.523.389.013	110,3%	104,5%
- Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHNN	(106.797.911)		0		
<b>3. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác</b>	<b>233.042.254.147</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>213.464.863.990</b>		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá không được phân phối</i>	<i>(1.559.226.438)</i>		<i>4.683.574.955</i>		
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác không bao gồm CLTG	234.601.480.585	225.000.000.000	208.781.289.035	104,3%	112,4%
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b> <i>(Không bao gồm lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá không được phân phối)</i>	<b>286.849.014.069</b>	<b>285.000.000.000</b>	<b>266.042.744.080</b>	<b>100,7%</b>	<b>107,8%</b>

**Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.**

**2.2 Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017:** Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.448.645.012.061 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.718.874.672.180 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nhượng TBH: 1.591.083.715.991 VND
  - Dự phòng Nhận TBH: 2.500.922.811.785 VND

**Điều 3:** Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2017, nội dung chủ yếu như sau:

**3.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện 2017:**

<b>Chỉ tiêu lợi nhuận</b>	<b>31/12/2017 (VND)</b>
---------------------------	-------------------------

<b>Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2017</b>	<b>302.266.542.258</b>
- Lợi nhuận được phân phối	229.641.446.284
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	72.625.095.974
<b>Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2017</b>	<b>233.852.647.190</b>
- Lợi nhuận được phân phối	235.411.873.628
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	(1.559.226.438)
<b>Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2017</b>	<b>536.119.189.448</b>
- Lợi nhuận được phân phối	465.053.319.912
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	71.065.869.536

**3.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2017 trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:**

<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế 2017</b>	<b>(VND)</b>
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc ( <i>5% Lợi nhuận sau thuế</i> )	11.770.593.681
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh ( <i>2% Lợi nhuận sau thuế</i> )	4.708.237.473
Quỹ khen thưởng ( <i>1,5% Lợi nhuận sau thuế</i> )	3.531.178.104
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty ( <i>01 tháng lương thực hiện</i> )	3.805.632.872
Chi trả cổ tức năm 2017 ( <i>tỷ lệ 12%</i> ) ( <i>trong đó đã tạm ứng 10% cổ tức vào ngày 29/1/2018</i> )	157.291.124.400
Lợi nhuận còn lại	355.012.422.918
- Lợi nhuận được phân phối	283.946.553.382
- Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> )	71.065.869.536

**Điều 4:** Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2017: 2.644.000.000 VND. (*Mức chi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ*)

**Điều 5:** Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

*Đơn vị Tr. VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch 2018</b>	<b>Thực hiện 2017</b>	<b>Tăng trưởng</b>
<b>Doanh thu phí nhận</b>	<b>1.770.000</b>	<b>1.651.742</b>	7,2%
<b>Phí giữ lại</b>	<b>677.000</b>	<b>586.893</b>	15,4%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tăng trưởng
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>308.000</b>	<b>285.290</b>	7,9%
- Chênh lệch tỷ giá (CLTG)	<i>(chưa xác định)</i>	(1.559)	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	308.000	286.849	
<b>Tỷ lệ cổ tức dự kiến</b>	<b>12%</b>	<b>12%</b>	

**Điều 6:** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT 2017 và Quý I/2018 (*báo cáo đính kèm*).

**Điều 7:** Thông qua Báo cáo giám sát của Ban kiểm soát 2017 (*báo cáo đính kèm*).

**Điều 8:**

8.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2018, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty TNHH KPMG Việt nam
- b. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- c. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E & Y)
- d. Công ty Pricewaterhouse Coopers (PWC)

8.2 Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

**Điều 9:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 4 năm 2018. Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu: Thư ký HĐQT, KT, ĐT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Song Lai**



**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động và Quy chế Quản trị hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

**I/ Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ:**

1. Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, được quy định tương ứng tại Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ Tổng Công ty. Khi đăng ký tham gia Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết được phát thẻ biểu quyết đại diện cho số cổ phần sở hữu.
2. Thẻ biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:
  - a) Nội dung ghi trên thẻ biểu quyết tương ứng với những vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội. Số quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ (tỷ lệ 1 cổ phần = 1 quyền biểu quyết).
  - b) Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết đánh dấu nhân vào một trong 3 ô vuông: “*tán thành*”, “*không tán thành*”, hoặc “*không có ý kiến*” trong thẻ để biểu quyết các nội dung ghi trên thẻ biểu quyết. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông chỉ được lựa chọn 1 trong 3 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào thẻ biểu quyết trước khi nộp cho Ban kiểm phiếu.
  - c) Thẻ biểu quyết hợp lệ: là thẻ biểu quyết theo mẫu in sẵn của Tổng Công ty phát hành có đóng dấu treo, không được tẩy xóa, cạo, sửa, không viết thêm nội dung khác vào thẻ. Thẻ biểu quyết không hợp lệ: là thẻ biểu quyết không đáp ứng được yêu cầu đối với thẻ biểu quyết hợp lệ theo quy định ở trên.
  - d) Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết “*tán thành*”, sau đó thu thẻ “*không tán thành*” và cuối cùng là thu thẻ “*không có ý kiến*”. Tiếp sau đó Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu lần lượt thẻ biểu quyết theo từng mục trên.
  - e) Các thẻ biểu quyết phụ sẽ được sử dụng (nếu cần thiết) để biểu quyết các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội.



3. Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử thành phần Ban kiểm phiếu và thông qua trước Đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 03 người và phải có ít nhất một (01) người là thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty.
4. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**II/ Tỷ lệ thông qua Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:**

Căn cứ theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 22 Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty, tỷ lệ thông qua Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
  - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị của Tổng công ty;
  - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - f. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----



**GIẤY ỦY QUYỀN**  
(Áp dụng cho cổ đông pháp nhân)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TCTY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

**1. Bên ủy quyền:**

Tên tổ chức: .....  
GPĐKKD số: ..... cấp ngày ..... tại .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Số cổ phần sở hữu: .....  
(Bằng chữ: .....)

**2. Bên nhận ủy quyền:**

Tên cá nhân: .....  
CMND số: ..... cấp ngày ..... tại .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Số cổ phần được ủy quyền: .....  
(Bằng chữ: .....)

**3. Nội dung ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

....., ngày..... tháng..... năm 2018.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
PHÁP NHÂN CÓ VỐN GÓP TẠI VINARE**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN  
VỐN GÓP TẠI VINARE**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Lưu ý: Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Người được ủy quyền mang theo Giấy mời họp, CMND/hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (bản gốc) và Giấy phép ĐKKD (bản sao hợp lệ) của bên ủy quyền để làm thủ tục đăng ký đại biểu tại Đại hội. Đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc ủy quyền tham dự Đại hội chậm nhất đến 17<sup>h</sup>00 ngày 17/04/2018 theo số điện thoại 024.39427859 hoặc số fax 024.39422351.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----



**GIẤY ỦY QUYỀN**  
(Áp dụng cho cổ đông thể nhân)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TCTY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

**1. Bên ủy quyền:**

Tên cá nhân: .....  
CMND số: ..... cấp ngày ..... tại .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Số cổ phần sở hữu: .....  
(Bằng chữ: .....)

**2. Bên nhận ủy quyền:**

Tên cá nhân: .....  
CMND số: ..... cấp ngày ..... tại .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Số cổ phần được ủy quyền: .....  
(Bằng chữ: .....)

**3. Nội dung ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

....., ngày..... tháng..... năm 2018.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Người được ủy quyền mang theo Giấy mời họp, CMND/hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (bản gốc) và photo CMND/hộ chiếu của người ủy quyền để làm thủ tục đăng ký đại biểu tại Đại hội. Đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc ủy quyền tham dự Đại hội chậm nhất đến 17<sup>h</sup>00 ngày 17/04/2018 theo số điện thoại 024.39427859 hoặc số fax 024.39422351.